

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2020/HNGĐ-ST

Ngày 25-8-2020

V/v tranh chấp về cấp dưỡng và thay đổi
người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tô Văn Nhung.

2. Bà Nguyễn Hồng Gấm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:
Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 483/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp về cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1976; Thông trú: Số 45 đường T, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trương Thanh T, sinh năm 1973; Thông trú: Số 213 đường Nguyễn T, xóm 1, Gia Ch, thị trấn T, huyện H, tỉnh B; địa chỉ liên lạc: Số 283 đường Ng, phường B, quận Th, Thành phố H; là người đại diện theo ủy quyền. (Hợp đồng ủy quyền ngày 18/6/2020). Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Khắc S, sinh năm 1973; Thông trú: Số 45 đường T, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B; chỗ ở: Số 1369 đường L, Phường 13, quận G, Thành phố H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2020 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Bà Nguyễn Thị C

và ông Nguyễn Khắc S đã ly hôn theo quyết định số 906/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương. Sau khi ly hôn, ông S giao 03 con chung tên Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 17/8/2003, Nguyễn Thị Hoài Th, sinh ngày 08/8/2008 và Nguyễn Thị Đan Nh, sinh ngày 23/8/2013 cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà C tự nguyện không yêu cầu ông S thực hiện cấp dưỡng nuôi con. Mặc dù vợ chồng đã ly hôn Nhg chưa phân chia tài sản chung nên ông S thường xuyên gây áp lực làm ảnh hưởng đến sức khỏe của bà. Mặt khác, do ảnh hưởng của dịch bệnh nên thu nhập của bà C giảm sút nghiêm trọng trong khi các con ngày càng lớn, chi phí học tập và sinh hoạt cho các con ngày càng tăng. Do đó, bà C khởi kiện yêu cầu ông S thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với các con chung tên Nguyễn Thị Hoài Th, sinh ngày 08/8/2008 và Nguyễn Thị Đan Nh, sinh ngày 23/8/2013 mỗi tháng 3.000.000 đồng/con đến khi cháu Th và cháu Nh đủ 18 tuổi.

Nguyên đơn cho rằng hiện giờ ông S đang có một số tiền từ việc chia tài sản chung đáp ứng được việc cấp dưỡng một lần cho các con, bà C mong muốn gửi số tiền vào tài khoản ngân hàng để các con có nguồn tiền tiết kiệm cố định phục vụ cho học tập và cuộc sống hàng ngày tốt hơn. Trường hợp ông S không tin tưởng thì sẽ lập một tài khoản đứng tên chung hai người để việc quyết định số tiền này phải có ý kiến của ông S. Hơn nữa, bà C không tin tưởng ông S sẽ tuân thủ việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con hàng tháng. Vì vậy, ngày 04/8/2020, bà C có đơn đề nghị ông Nguyễn Khắc S thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con một lần, cụ thể: Thực hiện cấp dưỡng cho cháu Th một lần số tiền 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng; cấp dưỡng cho cháu Nh một lần số tiền 360.000.000 (ba trăm sáu mươi triệu) đồng. Tổng số tiền yêu cầu ông S thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng một lần cho hai cháu là 540.000.000 (năm trăm bốn mươi triệu) đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Tại buổi làm việc với Tòa án có mặt ông S các cháu Tr, Th và Nh đều có nguyện vọng được sống với mẹ; bà C vẫn đủ sức khỏe đảm bảo tốt việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Trên hết là tôn trọng ý kiến của các con và để các con không bị thay đổi về môi trường sống, môi trường học tập ảnh hưởng đến kết quả học tập và sự phát triển của các con. Nguyên đơn không đồng ý giao các con cho ông S chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là diện tích đất 138,4m², thuộc thửa đất số 3357, tờ bản đồ số 11TĐH.3 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CS15996 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp ngày 15/7/2015; gắn liền trên đất là một căn nhà có diện tích xây dựng 100,4m²; đất và nhà tọa lạc tại khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh B. Tuy nhiên, ông S và bà C đã tự thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản chung nên nguyên đơn đã thay đổi yêu cầu khởi kiện, theo đó về tài sản chung: Nguyên đơn và bị đơn tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Khắc S trình bày: Ông Nguyễn Khắc S và bà Nguyễn Thị C đã ly hôn theo quyết định số 906/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương. Sau khi ly hôn, ông S giao 03 con chung tên

Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 17/8/2003, Nguyễn Thị Hoài Th, sinh ngày 08/8/2008 và Nguyễn Thị Đan Nh, sinh ngày 23/8/2013 cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà C tự nguyện không yêu cầu ông S thực hiện cấp dưỡng nuôi con. Nay bà C không đủ sức khỏe, kinh tế để nuôi dưỡng các con nên khởi kiện yêu cầu ông S thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với các con chung tên Nguyễn Thị Hoài Th, sinh ngày 08/8/2008 và Nguyễn Thị Đan Nh, sinh ngày 23/8/2013 mỗi tháng 3.000.000 đồng/con đến khi cháu Th và cháu Nh đủ 18 tuổi. Đồng thời, yêu cầu ông thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng một lần cho hai con với tổng số tiền 540.000.000 đồng. Ông S không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đồng thời, quá trình giải quyết vụ án ông S đã có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn. Hiện nay, ông S buôn bán tự do, có chỗ ở và có thu nhập ổn định mỗi tháng 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng. Bà C không đủ sức khỏe và khả năng kinh tế để nuôi dưỡng các con nên ông S yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung gồm: Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 17/8/2003, Nguyễn Thị Hoài Th, sinh ngày 08/8/2008 và Nguyễn Thị Đan Nh, sinh ngày 23/8/2013. Ông S không yêu cầu bà C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp, Tòa án giao các con cho bà C nuôi dưỡng thì ông S đồng ý thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Th, cháu Nh số tiền 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/con/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn thấy rằng: Ông S có yêu cầu phản tố với nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung tên Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 17/8/2003, Nguyễn Thị Hoài Th, sinh ngày 08/8/2008 và Nguyễn Thị Đan Nh, sinh ngày 23/8/2013. Tại quyết định quyết định số 906/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương, ông S đồng ý giao các con cho bà C chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn bà C không ngăn cản việc ông S thăm con, các con sống với bà C được đi học và phát triển tốt, bà C vẫn đủ sức khỏe để chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Mặt khác, tại biên bản làm việc với Tòa án các con đều mong muốn được sống với mẹ, đây là nguyện vọng của các con không bị ai ép buộc. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao các con cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông S có thu nhập trung bình 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng/tháng. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2020 ông S khẳng định ông đủ khả năng để cấp dưỡng nuôi cháu Th và cháu Nh số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng/con/tháng. Vì vậy, yêu cầu của bà C buộc ông S cấp dưỡng đối với cháu Th và cháu Nh số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng/con/tháng đến khi các con đủ 18 tuổi là có căn cứ chấp nhận. Về phương thức cấp dưỡng: Ông S và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đều thừa nhận, sau khi bán tài sản chung bà C và ông S mỗi người được chia 1.600.000.000 (một tỷ sáu trăm triệu) đồng; đây là tài sản chung duy nhất của ông S và bà C trong thời kỳ hôn nhân. Ông S không đồng ý thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng một lần. Căn cứ Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia

đình, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng một lần là không có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện về yêu cầu chia tài sản chung, theo đó đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện là ý chí tự nguyện của nguyên đơn nên được Tòa án chấp nhận. Bị đơn có đơn yêu cầu phản tố về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về cấp dưỡng và thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn” theo quy định tại khoản 3 và khoản 5 Điều 28 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Nguyễn Khắc S và bà Nguyễn Thị C đã ly hôn theo quyết định số 906/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương. Sau khi ly hôn, ông S giao 03 con chung tên Nguyễn Thị Huyền Tr, sinh ngày 17/8/2003, Nguyễn Thị Hoài Th, sinh ngày 08/8/2008 và Nguyễn Thị Đan Nh, sinh ngày 23/8/2013 cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà C tự nguyện không yêu cầu ông S thực hiện cấp dưỡng nuôi con. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2.2] Bà C xác định bà và ông S đã ly hôn nhưng chưa phân chia tài sản chung nên ông S thường xuyên gây áp lực làm ảnh hưởng đến sức khỏe của bà. Mặt khác, do ảnh hưởng của dịch bệnh nên thu nhập của bà giảm sút nghiêm trọng, trong khi các con ngày càng lớn, chi phí học tập và sinh hoạt ngày càng tăng. Do đó, bà C khởi kiện yêu cầu ông S thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với chung tên Nguyễn Thị Hoài Th, sinh ngày 08/8/2008 và Nguyễn Thị Đan Nh, sinh ngày 23/8/2013 mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng/con đến khi cháu Th và cháu Nh đủ 18 tuổi. Đồng thời, yêu cầu ông S thực hiện cấp dưỡng cho cháu Th một lần số tiền 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng; cấp dưỡng cho cháu Nh một lần số tiền 360.000.000 (ba trăm sáu mươi triệu) đồng. Tổng số tiền yêu cầu ông S thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng một lần cho hai cháu là 540.000.000 (năm trăm bốn mươi triệu) đồng. Ông S không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có đơn phản tố yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con và không yêu cầu bà C thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

[3] Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn.

[3.1] Về thay đổi người trực tiếp nuôi con: Khi Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Theo quyết định số 906/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30/12/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An (nay là thành phố Dĩ An), tỉnh Bình Dương, ông S tự nguyện giao các con cho bà C chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà C không có hành vi ngăn cản việc ông S thăm nom các con. Các con sống với mẹ được chăm sóc chu đáo, được đi học, kết quả học tập và phát triển thể chất đều tốt. Mặt khác, trong biên bản lấy lời khai tại Tòa án các cháu đều có nguyện vọng được sống với mẹ. Đây là nguyện vọng của các con không bị ai ép buộc.

Sức khỏe bà C có suy giảm nhưng không có căn cứ chứng minh bà bị bệnh nặng không thể tiếp tục chăm sóc các con. Do đó, để các cháu không bị thay đổi môi trường sống, môi trường học tập gây ảnh hưởng xấu đến tâm lý và kết quả học tập. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Tr, cháu Th và cháu Nh cho bà C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Yêu cầu phản tố tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của ông Nguyễn Khắc S không có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Về cấp dưỡng nuôi con và phương thức cấp dưỡng:

Tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “2. *Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Ông S buôn bán tự do, có thu nhập ổn định trung bình mỗi tháng 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng. Nhưng chỉ đồng ý thực hiện cấp dưỡng 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng/con/tháng là quá thấp. Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/6/2020 ông S khẳng định “...*Mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/con/tháng thì ông có đủ khả năng để thực hiện*”. Xét thấy, việc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng là để đảm bảo cho các con có cuộc sống tốt hơn. Đối chiếu thu nhập của ông S thì bà C yêu cầu ông thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Th và cháu Nh số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng/con/tháng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo quy định tại Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Việc cấp dưỡng có thể được thực hiện định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần. Các bên có thể thỏa thuận thay đổi phương thức cấp dưỡng, tạm ngừng cấp dưỡng trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng lâm vào tình trạng khó khăn về kinh tế mà không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*”.

Nguyên đơn cho rằng bị đơn có nguồn thu nhập từ việc phân chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn, mong muốn các con có nguồn tài chính ổn định đảm bảo cuộc sống và điều kiện học tập tốt hơn; mặt khác, nguyên đơn không tin tưởng bị đơn sẽ tuân thủ việc thực hiện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng nên yêu cầu bị đơn thực hiện phương thức cấp dưỡng một lần. Bị đơn không đồng ý thực hiện. Xét thấy, thời điểm ly hôn bà C tự nguyện không yêu cầu ông S thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, các con đều khỏe mạnh, học tập và sinh hoạt bình thường, không cần thiết phải có ngay khoản tiền lớn để phục vụ cho nhu cầu cấp bách Nh: Chi phí điều trị bệnh nặng.... Ông S có nguồn thu nhập từ việc phân chia tài sản sau khi ly hôn. Nhưng đó là tài sản chung duy nhất trong thời kỳ hôn nhân, nguồn thu nhập này để ông có điều kiện ổn định cuộc sống. Bà C không tin tưởng ông S sẽ thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Nhưng không có chứng cứ chứng minh ông S trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng vì thời điểm ly hôn bà C tự nguyện không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con; sau khi ly hôn, ông S vẫn thực hiện việc quan tâm, thăm nom các con. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thực hiện phương thức cấp dưỡng một lần không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về tài sản chung sau khi ly hôn: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Khắc S phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con và án phí do yêu cầu phản tố không được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 26 và điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Thị C được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 và 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 147, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 1 Điều 12; khoản 5 Điều 26 và điểm a, đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị C đối với ông Nguyễn Khắc S về cấp dưỡng nuôi con.

- Buộc ông Nguyễn Khắc S thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung tên Nguyễn Thị Hoài Th, sinh ngày 08/8/2008 và Nguyễn Thị Đan Nh, sinh ngày 23/8/2013 số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng/con/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị C về việc buộc ông Nguyễn Khắc S thực hiện phương thức cấp dưỡng một lần cho hai con Nguyễn Thị Hoài Th và Nguyễn Thị Đan Nh với tổng số tiền 540.000.000 (năm trăm bốn mươi triệu) đồng. Trong đó: Thực hiện cấp dưỡng cho cháu Th một lần số tiền 180.000.000 (một trăm tám mươi triệu) đồng và cấp dưỡng cho cháu Nh một lần số tiền 360.000.000 (ba trăm sáu mươi triệu) đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Khắc S đối với bà Nguyễn Thị C về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

4. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Khắc S phải chịu 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0040724, ngày 11/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Ông Nguyễn Khắc S còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

- Bà Nguyễn Thị C được miễn nộp tiền án phí về yêu cầu cấp dưỡng. Trả lại cho bà Nguyễn Thị C số tiền 12.300.000 (mười hai triệu ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0040620, ngày 01/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

6. Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Vân